

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và báo cáo định kỳ cải cách hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 3798/SNV-CCHC&VTTLT ngày 11/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2025.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tổng hợp và báo cáo kết quả việc thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- BCĐ KHCN CDS CCHC ĐA06;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT; Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (N).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Đình Long

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Chủ đề cải cách hành chính năm 2025: ***“Quyết liệt, kịp thời - Kỷ cương, gương mẫu - Lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo cải cách hành chính”.***

I. MỤC TIÊU

1. 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được triển khai kịp thời, đúng quy định. 98% văn bản QPPL của tỉnh được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ đảm bảo chất lượng, khả thi và đúng tiến độ.

2. Rút ngắn thời gian giải quyết hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với những thủ tục hành chính (TTHC) có thể rút ngắn được thời gian nhưng chưa được cắt giảm.

3. Tỷ lệ hồ sơ TTHC ở các cấp được giải quyết đúng hạn đạt tỷ lệ từ 95% trở lên. 100% hồ sơ chậm phải được xin lỗi người dân, tổ chức kịp thời, không có hồ sơ tồn đọng. Công khai kịp thời, minh bạch 100% kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức (CCVC).

4. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 87%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt trên 85%. Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt trên 85%.

5. 100% cán bộ, CCVC của sở, ngành, địa phương thực hiện tốt Chỉ thị của các cấp về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, không có vi phạm. 100% cơ quan, đơn vị thành lập tổ kiểm tra nội bộ để kiểm tra kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức. Hàng tháng, 100% công việc cá nhân được rà soát công bố trước cuộc họp cơ quan, đơn vị và có biện pháp xử lý kịp thời đối với hồ sơ, công việc xử lý chậm (nếu có).

6. 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã thực hiện đúng quy định; rà soát, khắc phục kịp thời các bất cập trong việc thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy.

7. 100% cơ quan nhà nước sử dụng hiệu quả phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT Ioffice và 100% văn bản đi được ký số (Trừ tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước). Ứng dụng, sử dụng các phần mềm phục vụ chuyên môn, kết nối dữ liệu liên thông với các Bộ, ngành. Cung cấp có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải

quyết TTHC của tỉnh đạt từ 60% trở lên. Tăng tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận TTHC và tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ giải quyết TTHC; Tăng tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC.

8. Cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ

1. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) đảm bảo chất lượng, đúng quy định của pháp luật, kịp thời, khả thi;

b) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh, chú trọng ban hành các văn bản liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước các cấp; văn bản quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong các cơ quan cấp trên; rà soát hệ thống các quy định giai đoạn 2020-2025 để tham mưu hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các chính sách mới trọng tâm, trọng điểm, phù hợp thực tiễn khả năng ngân sách; các cơ chế chính sách đặc thù nhằm khơi thông các nguồn lực thúc đẩy kinh tế xã hội của địa phương;

c) Quán triệt, tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định các văn bản QPPL mới do cấp trên ban hành;

d) Tăng cường công tác kiểm tra ban hành văn bản QPPL của các cấp, kịp thời phát hiện các văn bản không còn phù hợp hoặc trái quy định của pháp luật hiện hành để tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời;

đ) Tổ chức thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công bố, phê duyệt kịp thời thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính (TTHC); quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC ở các ngành, các cấp tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện;

b) Rà soát, đánh giá TTHC kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các TTHC không cần thiết, không hợp pháp và không hợp lý. Tiếp tục rà soát kiến nghị đơn giản hóa các TTHC tập trung một số lĩnh vực trọng tâm: Đầu tư, đất đai, xây dựng, khoa học và công nghệ, lao động, thương binh và xã hội....;

c) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC theo quy định. Cung cấp thông tin để duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Thực hiện việc công khai đầy đủ các TTHC trên cổng, trang thông tin điện tử của tỉnh và Cổng dịch vụ công Quốc gia; trang thông tin điện tử Sở, ngành, địa phương, tại nơi giao dịch và các hình thức khác;

d) Công khai nội dung, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về thực hiện quy định hành chính. Thực hiện kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc các quy định về xin lỗi cá nhân, tổ chức trong giải quyết TTHC;

đ) Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền giải quyết các TTHC theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

e) Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Bố trí nguồn lực về con người và ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác CCHC;

g) Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt việc hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng đối với dịch vụ hành chính công và dịch vụ sự nghiệp công;

h) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức kịp thời, đúng quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Rà soát, kịp thời ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của các bộ ngành gắn với việc thực hiện Đề án, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết TW 6 (khóa XII) của các cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt;

b) Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định về phân công, phân cấp các lĩnh vực quản lý nhà nước; đẩy mạnh giám sát, kiểm tra, thanh tra sau phân cấp;

c) Nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước;

d) Rà soát, đánh giá, triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; phấn đấu nâng cao sự hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với dịch vụ do các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp;

đ) Rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo đến hết năm 2025, giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021;

e) Thực hiện tốt việc phối hợp trong công tác giữa các cấp, các ngành;

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Thực hiện cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nâng cao chất lượng đội ngũ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế;

b) Tiếp tục thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua các sản phẩm cụ thể, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chính để đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức gắn với công tác khen thưởng, kỷ luật;

c) Quan tâm giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức, bộ máy và tinh giản biên chế;

d) Quan tâm cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức; theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; theo yêu cầu vị trí việc làm;

đ) Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo cơ sở dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”;

e) Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện đúng quy định về quy tắc ứng xử và chuẩn mực đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao đạo đức công vụ thông qua tuyên truyền, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát quá trình thực thi công vụ; đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

a) Thực hiện đúng, đủ các quy định việc công khai, minh bạch về tài chính, quyết toán và dự toán ngân sách các cấp hàng năm theo quy định;

b) Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công, quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước;

c) Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, cơ chế chính sách của nhà nước về lĩnh vực tài chính tới tổ chức, cá nhân, đảm bảo theo quy định;

d) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, kết hợp đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước. Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công từ cấp tỉnh tới cấp xã. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, bảo đảm công khai, minh bạch, không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và lợi ích nhóm;

đ) Thực hiện đầy đủ các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong việc sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- a) Triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nghệ An;
- b) Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Ứng dụng hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng thời thực hiện tốt việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý;
- c) Tăng cường sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT I-Office; chữ ký số tại các đơn vị ở các cấp;
- d) Vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin báo cáo; các phần mềm chuyên ngành;
- đ) Tiếp tục tuyên truyền việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Khai thác, sử dụng có hiệu quả Công Dịch vụ công Quốc gia; xử lý dứt điểm các tồn đọng về hồ sơ trễ hạn trên hệ thống. Số hóa hồ sơ, chia sẻ thông tin, tích hợp, đồng bộ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

(Các nhiệm vụ cụ thể và phân công triển khai thực hiện tại Phụ lục kèm theo)

III. GIẢI PHÁP

1. Phát huy tối đa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành. Tiếp tục đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai có hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh trong năm 2025.

2. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực, hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện và tham mưu, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện cải cách hành chính ở các cấp, trong các cơ quan, đơn vị. Đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính các Sở, ngành, địa phương khách quan, chính xác.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị. Khen thưởng kịp thời để động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ đồng thời xử lý nghiêm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật.

5. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số; tăng cường tính công khai minh bạch và hiệu quả giám sát. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức; tiếp tục huy động sự tham gia của nhân dân, tổ chức vào công tác cải cách hành chính.

6. Đảm bảo nguồn lực tài chính cho việc triển khai CCHC theo phân cấp quản lý nhân sách nhà nước hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ các nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể được xác định tại Kế hoạch này, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường khẩn trương rà soát, điều chỉnh kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 (*đối với đơn vị không sáp nhập*) hoặc ban hành mới Kế hoạch cải cách hành chính (*đối với các đơn vị thực hiện sáp nhập*) để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2025, đáp ứng yêu cầu của mô hình tổ chức mới và thực tiễn của địa phương; thời hạn hoàn thành trước ngày 31/7/2025. Tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra;

b) Trong Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương, phải xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, có tính định lượng, khả thi, đầy đủ các lĩnh vực CCHC; phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, cá nhân; xác định rõ thời gian hoàn thành, sản phẩm đầu ra; bố trí nguồn lực và đề ra các giải pháp triển khai hiệu quả;

c) Tổ chức thực hiện nghiêm túc, toàn diện các nội dung cải cách hành chính. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

2. Các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung cải cách hành chính

2.1. Sở Nội vụ

- Sở Nội vụ - Cơ quan Thường trực công tác cải cách hành chính của tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, xây dựng kế hoạch và chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra toàn diện công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch;

- Chủ trì tổng hợp xây dựng dự thảo báo cáo công tác cải cách hành chính tỉnh Nghệ An báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ theo quy định;

- Tổ chức đánh giá, chấm điểm kết quả Chỉ số cải cách hành chính của Tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; Tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá, xếp hạng kết quả công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm.

2.2. Các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung cải cách hành chính

Các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung cải cách hành chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các nội dung được giao chủ trì; chủ động phối hợp với Sở Nội vụ kiểm tra các nội dung cải cách hành chính và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ - cơ quan Thường trực công tác*

cải cách hành chính của tỉnh) về các nội dung cải cách hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được phân công đảm bảo thời gian theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.

3. Công an tỉnh

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Nghệ An; theo dõi, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các Sở, ban, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện;

- Tiếp tục chỉ đạo Công an các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý cư trú, cấp Căn cước, thu thập, cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu dân cư, đảm bảo thông tin công dân “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ chia sẻ, kết nối, làm sạch dữ liệu chuyên ngành, tạo tiền đề trong việc phát triển Công dân số trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục tuyên truyền vận động người dân đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai hiệu quả các tiện ích trên ứng dụng VNeID.

4. Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính và nội dung Kế hoạch này;

- Tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của tỉnh để chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Xây dựng mạng lưới cộng tác viên trong công tác tuyên truyền, bảo đảm thông tin đa dạng, phong phú, kịp thời, chính xác. Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo điều hành, kết quả triển khai công tác CCHC trên các ấn phẩm của báo, đài; đa dạng hóa các thể loại tin, bài, ảnh, clip, phóng sự ngắn..../.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

